|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD& ĐT NGHỆ AN  **TRƯỜNG THPT ANH SƠN 2**  *(Đề thi gồm có 02 trang)* | **ĐỀ THI THỬ HỌC SINH GIỎI CẤP TỈNH LỚP 12**  **LẦN 1- NĂM HỌC 2022 - 2023**  **Môn: ĐỊA LÍ**  **Môn thi: ĐỊA LÍ** **- BẢNG A**  *Thời gian:* ***150*** *phút (không kể thời gian giao đề)* |

**Câu I: (3.0 điểm)**

1. Giải thích nguyên nhân của sự khác nhau về lượng mưa ở Xích đạo và ở vùng Ôn đới hải dương?

2. Phân tích ảnh hưởng của địa hình đến nhiệt độ trên Trái Đất.

3. Hãy cho biết những thay đổi của góc chiếu sáng Mặt Trời diễn ra trên Trái Đất.

**Câu II: (3.0 điểm)**

1. Toàn cầu hóa là gì? Vì sao toàn cầu hóa kinh tế lại làm gia tăng khoảng cách giàu – nghèo?

2. Tại sao nói sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường là điều kiện phát triển bền vững?

3. Tại sao Nhật Bản phải đẩy mạnh xuất khẩu trong nền kinh tế?

**Câu III: (4.0 điểm)**

1. Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu của vùng?

2. So sánh điểm giống và khác nhau của hai luồng gió cùng hướng tây nam thổi vào Việt Nam trong mùa hạ (từ tháng V đến tháng X).

3. Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi nước ta chịu tác động của địa hình và khí hậu

**Câu IV: (3.0 điểm)**

1. Cho bảng số liệu:

**Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý ở bán cấu Bắc (0C).**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Vĩ độ | 0 | 20 | 30 | 40 | 50 | 60 | 70 |
| Nhiệt độ trung bình năm | 24,5 | 25,0 | 20,4 | 14,0 | 5,4 | -0,6 | -10,4 |
| Biên độ nhiệt năm | 1,8 | 7,4 | 13,3 | 17,7 | 23,8 | 29,0 | 32,2 |

*(nguồn: sách giáo khoa Địa lý 10)*

Rút ra nhận xét và giải thích về sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý ở bán cầu Bắc.

2. Cho bảng số liệu:

**Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế các nhóm nước năm 2004:**

*(Đơn vị %)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Nhóm nước | Khu vực I | Khu vực II | Khu vực III |
| Phát triển | 2,0 | 27,0 | 71,0 |
| Đang phát triển | 25,0 | 32,0 | 43,0 |

Nhận xét và giải thích về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước, năm

2004

**Câu V: (4.0 điểm)**

Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học:

1. Trình bày biểu hiện rõ nhất trong sự phân hóa không gian của chế độ nhiệt, mưa ở miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ?

2. Phân tích nhân tố vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ ảnh hưởng đến khí hậu ở nước ta?

3. Trình bày và giải thích sự đa dạng của địa hình ven biển nước ta.

**Câu VI: (3,0 điểm)**

Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH CÂY LƯƠNG THỰC CÓ HẠT VÀ CÂY ĂN QUẢ CỦA NƯỚC TA

*(Đơn vị: Nghìn ha)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2019** |
| **Tổng số** | **9 150,8** | **9 395,6** | **9 833,2** | **9 529,6** |
| Cây lương thực có hạt | 8 383,4 | 8 615,9 | 9 008,8 | 8 462,4 |
| Cây ăn quả | 767,4 | 779,7 | 824,4 | 1 067,2 |

*(Nguồn: Niên giám thống kê 2019, NXB Thống kê, 2020*)

1. Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích cây lương thực có hạt và cây ăn quả của nước ta giai đoạn 2005 - 2019.

2. Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét.

**------ HẾT -----**

*- Thí sinh được sử dụng Atlat Địa lí Việt Nam (NXB Giáo dục Việt Nam); không được sử dụng tài liệu khác.*

*- Giám thị không giải thích gì thêm.*

Họ và tên thí sinh: ………………………………………………; Số báo danh: …………….

|  |  |
| --- | --- |
| SỞ GD& ĐT NGHỆ AN  **TRƯỜNG THPT ANH SƠN 2** | **KỲ THI THỬ HỌC SINH GIỎI TỈNH LỚP 12**  **LẦN 1- NĂM HỌC 2022 - 2023** |
| **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  Môn: **ĐỊA LÍ - BẢNG A**  *(Hướng dẫn chấm gồm 06 trang)* | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **Ý** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | | **3,0** |
|  | **1** | **Giải thích nguyên nhân sự khác nhau về lượng mưa ở Xích đạo và ở vùng Ôn đới hải dương?** | ***1,0*** |
|  | *\** *Ở Xích Đạo* |  |
| - Mưa lớn :do nhân tố gây mưa hoạt động mạnh ( áp dụng trị số nhỏ hút gió mạnh , nơi xuất phát từ dòng biển nóng , dải hội tụ nhiệt đới hoạt động quanh năm có khả năn mưa lớn , gió mậu dịch với trị số ấp thấp lớn hút gió | 0,25 |
| - Mưa thường xuyên: do các nhân tố hoạt động thường xuyên , quanh năm ( gió , dải hội tụ nhiệt đới , dòng biển ,...) | 0,25 |
| *\* Ở Ôn Đới :* |  |
| - Mưa ít: hơn do nhân tố gây mưa hoạt động yếu hơn ( áp thấptrị số khí áp cơn hơn do nhiệt thấp hơn nên dòng thăng yếu hơn , gió Tây ôn đới hoạt động yếu hơn dòng biển nóng yếu hơn , front hoạt động không bằng dải hội tụ nhiệt đới ) | 0,25 |
| - Mưa thất thường do nằm ở vĩ độ trung bình nên chuyển động biểu kiến theo dịch chuyển của front địa cực và front ôn đới thường , gió hoạt động thấ thừng do dòng biển không ổ định . Mưa thu đông mùa này chuyển tiếp có front địa cực và front ôn đới hoạt động nên nhiều mưa vào thu đông . | 0,25 |
| **2** | **Phân tích ảnh hưởng của địa hình đến nhiệt độ trên Trái Đất.** | ***1,0*** |
|  | - Độ cao: Nhiệt độ không khí thay đổi theo độ cao, càng lên cao nhiệt độ càng giảm, trung bình lên cao 100m nhiệt độ giảm 0,60C. Do càng lên cao không khí nhận được ít năng lượng bứcxạ Mặt Trời, không khí ít bụi khí, hơi nước, khả năng hấp thu và giữ nhiệt kém. | 0,25 |
| - Hướng sườn: Nhiệt độ không khí thay đổi hướng phơi của sườn núi, sườn phơi nắng có nhiệt độ cao hơn sườn khuất nắng | 0,25 |
| - Độ dốc: Độ dốc càng lớn nhiệt độ thấp; độ dốc nhỏ nhiệt độ cao do lớp không khí ở đây bị đốt nóng dày hơn | 0,25 |
| - Bề mặt địa hình: Tùy theo bề mặt địa hình khác nhau, có nhiệt độ khác nhau | 0,25 |
| **3** | **Những thay đổi của góc chiếu sáng Mặt Trời diễn ra trên Trái Đất** | ***1,0*** |
|  | Góc chiếu sáng của Mặt Trời tới Trái Đất thay đổi:  – Theo vĩ độ: vĩ độ càng cao, góc chiếu sáng càng nhỏ. | 0,25 |
| – Theo mùa: cùng một vĩ độ, mùa hạ góc chiếu sáng lớn, mùa đông góc chiếu sáng nhỏ. | 0,25 |
| – Theo ngày: buổi sáng, góc chiếu sáng nhỏ và lớn dần tới 12 giờ trưa, sau đó lại nhỏ dần về chiều. | 0,25 |
| – Theo địa hình: cùng một ngọn núi, sườn núi ngược chiều với góc chiếu sáng thường có góc chiếu sáng lớn, sườn núi cùng chiều với ánh sáng thường có góc chiếu sáng nhỏ | 0,25 |
| **II** |  | | **3.0** |
|  | **1** | Toàn cầu hóa là gì? Tại sao toàn cầu hóa kinh tế lại làm gia tăng khoảng cách giàu – nghèo? | **1,0** |
|  | Toàn cầu hóa là quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, sự ảnh hưởng, tác động lẫn nhau, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, các dân tộc trên thế giới.. | 0,25 |
| Toàn cầu hóa kinh tế làm gia tăng khoảng cách giàu – nghèo vì:  + Quốc gia nào biết tận dụng một cách khôn ngoan, khai thác có hiệu quả nguồn tài chính khổng lồ từ toàn cầu hóa mang lại thì sẽ giàu lên nhanh chóng. | 0,5 |
| + Ngược lại nếu không nắm bắt, tận dụng được các cơ hội thì thời cơ sẽ bị bỏ lỡ, thách thức sẽ trở thành khó khăn dài hạn rất khó khắc phục và là lực cản trở cho sự phát triển. | 0,25 |
| **2** | Sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường là điều kiện phát triển bền vững vì: | **1,0** |
|  | - Tài nguyên trên Trái đất là có hạn. Nhiều loại tài nguyên đang bị cạn kiệt ( thể hiện rõ nhất ở tài nguyên khoáng sản) | 0,25 |
| - Môi trường đang bị suy thoái và ô nhiễm nghiêm trọng, các nhà khoa học đã báo động về nguy cơ mất cân bằng sinh thái và khủng hoảng môi trường. | 0,25 |
| - Trong khi đó yêu cầu phát triển của xã hội không ngừng tăng lên, nền sản xuất không ngừng được mở rộng. | 0,25 |
| - Vì vậy, cần sử dụng hợp lí tài nguyên và bảo vệ môi trường đẻ đảm bảo sự phát triển bền vững... | 0,25 |
| **3** | Tại sao Nhật Bản phải đẩy mạnh xuất khẩu trong nền kinh tế? | **1,0** |
|  | - Do Nhật Bản là quốc gia có diện tích nhỏ, nghèo tài nguyên, nhiều thiên tai; dân cư đông => Nhật Bản phát triển kinh tế chủ yếu dựa trên cơ sở nguồn lực dân cư, xã hội. | 0,25 |
|  | - Sản phẩm kinh tế của Nhật Bản nổi tiếng trên thế giới về chất lượng và sự tiện lợi. | 0,25 |
|  | - Giá trị trong xuất khẩu mang lại nhiều nguồn lợi để phát triển kinh tế, kích thích sản xuất phất triển | 0,25 |
|  | => Xuất khẩu trở thành động lực của sự tăng trưởng kinh tế Nhật Bản | 0,25 |
| **III** |  | | **4,0** |
|  | **1** | **Trình bày đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam. Đặc điểm đó tác động như thế nào đến sự phân hóa khí hậu ở vùng này?** | ***1,5*** |
|  | ***\* Đặc điểm địa hình vùng núi Trường Sơn Nam:*** |  |
| - Giới hạn: nam dãy Bạch Mã đến hết khối núi cực Nam Trung Bộ. | 0,25 |
| - Gồm các khối núi và cao nguyên. | 0,25 |
| - Khối núi Kon Tum và khối núi cực Nam Trung Bộ được nâng cao, đồ sộ. Địa hình núi với những đỉnh cao trên 2000m nghiêng dần về phía đông, sườn dốc chênh vênh bên dải đồng bằng hẹp ven biển. |
| - Tương phản với địa hình núi ở phía đông là các bề mặt cao nguyên badan Plây Ku, Đắk Lắk, Mơ Nông, Di Linh tương đối bằng phẳng, có các độ cao khoảng 500 - 800 - 1000m, các bán bình nguyên xen đồi ở phía tây. | 0,25 |
| => Kết luận: tạo nên sự bất đối xứng rõ rệt giữa sườn Đông và sườn Tây. |
| ***\* Tác động đến sự phân hóa khí hậu:*** |  |
| - Tạo nên sự phân hóa khí hậu theo độ cao: phân hóa thành 2 đai.  + Đai nhiệt đới gió mùa: dưới 900 - 1000m, nền nhiệt cao, mùa hạ nóng, độ ẩm thay đổi tùy từng nơi. | 0,25 |
| + Đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi: từ 900 - 1000m đến 2600m, khí hậu mát mẻ, không có tháng nào nhiệt độ trên 25oC, mưa nhiều hơn, độ ẩm tăng. | 0,25 |
| - Địa hình kết hợp với gió mùa tạo nên sự phân hóa khí hậu theo chiều Đông - Tây: giữa Tây Nguyên và Duyên hải Nam Trung Bộ (dẫn chứng). | 0,25 |
| **2** | **So sánh điểm giống và khác nhau của hai luồng gió cùng hướng Tây Nam thổi vào Việt Nam trong mùa hạ (từ tháng V đến tháng X).** | ***1,5*** |
|  | ***\* Giống nhau:*** |  |
| - Hướng: đều có hướng Tây Nam.  - Nguồn gốc: đều từ vùng biển thổi vào.  - Tính chất: đều nóng ẩm.  - Tác động đến khí hậu: đều gây mưa nhiều. | 0,5 |
| ***\* Khác nhau*** |  |
| - Nguồn gốc và thời gian thổi:  + Vào đầu mùa hạ: khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương.  + Vào giữa và cuối mùa hạ: gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam. | 0,25  0,25 |
|  | - Phạm vi ảnh hưởng và tác động đến khí hậu:  + Khối khí nhiệt đới ẩm từ Bắc Ấn Độ Dương có phạm vi ảnh hưởng hẹp hơn, chỉ gây mưa lớn cho đồng bằng Nam Bộ, Tây Nguyên và gây hiệu ứng Phơn khô nóng cho vùng đồng bằng ven biển Trung Bộ và phần nam của khu vực Tây Bắc,...  + Gió mùa Tây Nam xuất phát từ áp cao cận chí tuyến bán cầu Nam có tầng ẩm dày hơn, phạm vi ảnh hưởng rộng hơn đem mưa lớn cho cả nước, 2 hướng khác nhau ở 2 miền.  *(Nếu thí sinh trình bày đủ nội dung của từng loại gió chỉ cho tối đa 0,5đ/2,0đ). Nếu chỉ nói tác động, không so sánh phạm vi thì ½ tổng điểm mỗi ý* | 0,25  0,25 |
|  |  |  |
| **3** | **Chứng minh rằng sự phân hoá sông ngòi nước ta chịu tác động của địa hình và khí hậu** | ***1,0*** |
|  | - Khí hậu đặc biệt là chế độ mưa có sự phân hóa dẫn đến sự phân hóa chế độ mưa  + Chế độ mưa có sự phân hóa theo không gian, hình thành những trung tâm mưa nhiều, mưa ít đã chi phối lưu lượng nước của sông ngòi (dẫn chứng).  + Chế độ mưa theo mùa đã chi phối thủy chế của chế độ sông ngòi (dẫn chứng). | 0,25  0,25 |
|  |  | - Đặc điểm hình thái của địa hình đã chi phối đặc điểm hình thái của sông ngòi.  + Hướng của địa hình chi phối hướng của dòng chảy (dẫn chứng).  + Độ dốc của địa hình đã chi phối tốc độ dòng chảy. Sự tương phản giữa địa hình đồi núi và đồng bằng quy định sự thay đổi đột ngột dòng chảy từ thượng lưu xuống hạ lưu (dẫn chứng). | 0,25  0,25 |
| **IV** |  | | **3,0** |
|  | **1** | **Nhận xét và giải thích về sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm và biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lý ở bán cầu Bắc** | ***1,5*** |
|  | **Nhận xét** |  |
| - Nhiệt độ trung bình giảm dần từ vĩ độ thấp lên vĩ độ cao (dẫn chứng).  - Càng lên vĩ độ cao biên độ nhiệt càng lớn (dẫn chứng).  - Nhiệt độ cao nhất ở khu vực chí tuyến (250C), cao hơn khu vực xích đạo là (24,50C). | 0,25  0,25  0,25 |
| **Giải thích** |  |
| - Càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng mặt trời càng nhỏ  - Càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và chênh lệch thời gian chiếu sáng giữa ngày và đêm trong năm càng lớn  - Do khu vực xích đạo chủ yếu là đại dương và rừng nên năng lượng bức xạ mặt trời suy giảm vì có nhiều hơi nước, lượng mưa. Còn ở khu vực chí tuyến chủ yếu là lục địa, khô hạn nên nhiệt độ không khí cao hơn xích đạo. | 0,25  0,25  0,25 |
| **2** | **Nhận xét và giải thích về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước, năm 2004.** | ***1,5*** |
|  | **Nhận xét** |  |
| Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước có sự khác biệt lớn:  + GDP Thể hiện chênh lệch lớn ở khu vực I (các nước đang phát triển có tỉ trọng cao hơn hẳn các nước phát triển) và khu vực III (các nước phát triển cao hơn nhiều các nước đang phát triển).  + GDP ở khu vực IIgiữa hai nhón nước chênh lệch nhau không lớn (d/c) | 0,25  0,5  0,25 |
| **Giải thích** |  |
| Nhóm nước phát triển đã trải qua thời kì công nghiệp hóa, trình độ phát triển kinh tế cao nên khu vực I và II có tỉ trọng thấp hơn so với các nước đang phát triển, khu vực III có tỉ trọng rất cao và cao hơn hẳn các nước đang phát triển. | 0,5 |
| **V** |  | | **4,0** |
|  | **1** | **Phân tích biểu hiện rõ nhất trong sự phân hóa không gian của chế độ nhiệt, mưa ở miền tự nhiên Nam Trung Bộ và Nam Bộ.** | ***1,5*** |
|  | - Chế độ nhiệt: Sự phân hóa theo đai cao (tính từ độ cao 1000m trở lên)  > Nhiệt độ trung bình năm, nhiệt độ trung bình tháng 1, nhiệt độ trung bình tháng 7 đều giảm theo độ cao (dẫn chứng). Nguyên nhân: do quy luật đai cao. | 0,25  0,25 |
| - Chế độ mưa: sự phân hóa theo chiều Đông - Tây giữa Đông Trường Sơn (Nam Trung Bộ) với Tây Nguyên, Nam Bộ. |  |
| + Thời gian mùa mưa và tháng mưa cực đại (dẫn chứng). Nguyên nhân: do tác động đến mùa mưa ở mỗi lãnh thổ của gió Tây Nam (gốc từ Bắc Ấn Độ Dương), gió tín phong Đông Bắc, bão và dải hội tụ nhiệt đới (diễn giải).  + Tây Nguyên và Nam Bộ có những nơi mưa vào loại lớn nhất cả nước; duyên hải Nam Trung Bộ có những nơi khô hạn nhất cả nước: | 0,25  0.25 |
| > Sườn đón gió mưa nhiều: núi Ngọc Linh, Lang Biang, Đà Nẵng, cực Tây của đồng bằng Tây Nam Bộ và đảo Phú Quốc: > 2400mm.  > Sườn khuất gió, song song hướng hai mùa gió mưa ít: ven biển cực Nam Trung Bộ (Phan Rang - Ninh Thuận): < 800mm/năm. | 0,25  0.25 |
| **2** | **Phân tích nhân tố vị trí địa lý và hình dạng lãnh thổ ảnh hưởng đến khí hậu ở nước ta?** | ***1,5*** |
|  | **- Vị trí địa lí**  + Tọa độ địa lí nước ta nằm từ 8034’B – 23023’B, nằm hoàn toàn trong khu vực nội chí tuyến BBC, các địa phương trong năm đều có 2 lần mặt trời lên thiên đỉnh, làm cho nước ta có tính chất nhiệt đới rõ rệt: nhiệt độ trung bình năm trên 200C.  + Vị trí nằm gần biển Đông – vùng biển nhiệt đới rộng lớn cung cấp lượng ẩm lớn, làm biến tính các khối khí qua biển khiến cho khí hậu nước ta mang tính chất hải dương, khác hẳn so với các quốc gia ở cùng vĩ độ: Lượng mưa trung bình năm lớn từ 1600 – 2000mm.  + Vị trí nằm ở rìa đông nam châu Á là nơi hoạt động gió mùa diễn ra thường xuyên nên khí hậu nước ta mang tính chất gió mùa sâu sắc. Trong năm chịu ảnh hưởng bởi 2 loại gió thường xuyên: gió mùa mùa hạ và gió mùa mùa đông. | 0,25  0,25  0,25 |
| **- Hình dạng lãnh thổ**  + Lãnh thổ kéo dài trên 15 vĩ độ làm cho khí hậu nước ta có sự phân hóa theo chiều Bắc – Nam rõ nét.  Miền khí hậu phía Bắc: từ dãy Bạch Mã trở ra: khí hậu mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh. Nhiệt độ trung bình năm từ 22-240C *(hoặc dưới 250c),* biên độ dao động nhiệt lớn >90C. Khí hậu phân hóa thành 2 mùa: mùa hạ và mùa đông.  Miền khí hậu phía Nam: từ dãy Bạch Mã trở vào: Khí hậu mang tính chất cận xích đạo gió mùa nóng quanh năm. Nhiệt độ trung bình năm từ 26-290C, biên độ dao động nhiệt năm thấp 2-30C. Khí hậu phân hóa thành 2 mùa: mùa mưa và mùa khô sâu sắc.  + Lãnh thổ hẹp ngang: nơi rộng nhất là Bắc Bộ (500km), nơi hẹp nhất chỉ có 50km (Quảng Bình) khiến cho ảnh hưởng của biển vào sâu trong đất liền, làm lượng mưa nước ta khá cao. | 0,25  0,25  0,25 |
| **3** | **Trình bày và giải thích sự đa dạng của địa hình ven biển nước ta.** | ***1,0*** |
|  | - Địa hình vùng ven biển nước ta đa dạng: Vịnh cửa sông, các bờ biển mài mòn, các tam giác châu có bãi triều rộng, các bãi cát phẳng, các đầm phá, cồn cát, các vũng vịnh nước sâu, các đảo ven bờ và rạn san hô... | 0,5 |
| - Giải thích: Do tác động phối hợp của nội lực và ngoại lực trong quá trình phát triển lâu dài của lãnh thổ Việt Nam.  + Nội lực: Các hoạt động nâng cao và hạ thấp địa hình, bồi lấp các vùng trũng lục địa sát biển, đứt gãy ven biển...  + Ngoại lực: Tác động của sóng, thủy triều, dòng biển, biển tiến và biển lùi, sông ngòi... | 0,25  0,25 |
| **VI** |  |  | **3,0** |
|  | **1** | **Vẽ biểu đồ thích hợp nhất thể hiện diện tích cây lương thực có hạt và cây ăn quả của nước ta giai đoạn 2005 - 2019.** | ***1,0*** |
|  | - Vẽ biểu cột chồng. |  |
| - Yêu cầu: |  |
| + Vẽ chính xác biểu đồ (nếu vẽ biểu đồ khác không cho điểm). |  |
| + Có tên biểu đồ, chú giải, khoảng cách năm, có số liệu trên biểu đồ (thiếu hoặc sai 1 yếu tố trừ 0,25đ). | 1,0 |
| ***2*** | **Từ bảng số liệu và biểu đồ đã vẽ, hãy rút ra nhận xét.** | ***2,00*** |
|  | *\* Về quy mô:* |  |
|  |  | + Tổng diện tích có xu hướng tăng, tuy nhiên giảm từ năm 2015 đến 2019 (d/c). | 0,5 |
|  |  | + Cây lương thực có hạt: Diện tích lớn, có xu hướng tăng, tuy nhiên giảm từ 2015 đến 2019 (d/c). | 0,5 |
|  |  | + Cây ăn quả: Diện tích nhỏ, tăng rất nhanh. | 0,25 |
|  |  | *\* Về cơ cấu:* |  |
|  |  | Cơ cấu diện tích cây lương thực có hạt và cây ăn quả của nước ta, giai đoạn 2005- 2019  *(Đơn vị: %)*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Năm** | **2005** | **2010** | **2015** | **2019** | | **Tổng số** | **100** | **100** | **100** | **100** | | Cây lương thực có hạt | 91,6 | 91,7 | 91,6 | 88,8 | | Cây ăn quả | 8,4 | 8,3 | 8,4 | 11,2 |   + Cây lương thực có hạt: Chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu, nhưng có xu hướng giảm (d/c).  + Cây ăn quả: Chiếm tỉ trọng nhỏ, nhưng tăng nhanh (d/c). | 0,25  0,25  0,25 |
|  |  | **Tổng điểm toàn bài** | **20,00** |

**- - - HẾT - - -**